

# Sự thích ứng của các cộng đồng nông thôn trong việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới

Nguyễn Giáo\*, Nguyễn Thanh Tùng\*\*

Nhận ngày 17 tháng 4 năm 2022. Chấp nhận đăng ngày 19 tháng 8 năm 2022.

**Tóm tắt:** Trong các tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới, yếu tố văn hóa được thể hiện ở tiêu chí thứ 6 và 16. Để thực hiện chúng, các địa phương đã tiến hành xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị cho các thiết chế văn hóa cũng như thực hiện nhiều hạng mục khác, để có thể đạt chuẩn. Nhằm làm rõ sự thích ứng của cộng đồng trong việc này, bài viết<sup>1</sup> tập trung mô tả cách người dân ở cộng đồng nông thôn đáp ứng tiêu chí số 6 và 16. Theo đó, việc phân tích tư liệu điền dã nhằm chỉ ra mức độ quan trọng trong sự thích ứng của người dân trong việc hiện thực các chính sách của Nhà nước với điều kiện thực tiễn địa phương.

**Từ khóa:** Thích ứng, chính sách văn hóa, nông thôn.

**Phân loại ngành:** Văn hóa học

**Abstract:** In the list of national criteria for “communes of new rural areas”, culture is a factor that is reflected in the 6<sup>th</sup> and 16<sup>th</sup> criteria. To implement the criteria, localities have built and developed material facilities, providing equipment to cultural institutions, as well as performed the contents of many other items, to be able to meet the standards. In order to clarify the community's response to this, the article focuses on describing how people in rural communities meet the two criteria. Accordingly, field data were analysed to show the level the importance of people's response in implementing the State policies given the local practical conditions.

**Keywords:** Response, cultural policy, rural areas.

**Subject classification:** Cultural studies

## 1. Đặt vấn đề

Trong những thập niên gần đây, chính sách văn hóa mà đặc biệt là chính sách văn hóa ở cơ sở vẫn tiếp tục là lĩnh vực được Nhà nước quan tâm để từng bước hiện thực hóa đường lối, quan điểm về văn hóa như đã đề ra tại văn kiện Đại hội Đảng lần thứ VIII. Chính sách văn hóa ở cơ sở ngày càng gắn kết hơn với mục tiêu mới về phát triển nông thôn hiện đại hóa, thể hiện qua sự lồng ghép chặt chẽ các nội dung văn hóa vào bộ tiêu chí của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới (gọi tắt là CTNTM). Bộ 19 tiêu chí nông thôn mới nói chung và 02 tiêu chí văn hóa nói riêng (tiêu chí 06 và 16) được giới thiệu và thực thi ở các cộng đồng nông thôn trên cả nước với kỳ vọng làm thay đổi cuộc sống của chủ thể theo hướng tốt hơn, đều dựa trên các ý niệm về văn minh, hiện đại và phát triển. Chương trình kêu gọi sự phối hợp của các bên để biến các tiêu chí mang tính

\* \*\* Viện Nghiên cứu Văn hóa, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

Email: nguyengiao76@gmail.com

<sup>1</sup> Bài viết là một phần kết quả nghiên cứu của đề tài cấp Nhà nước *Giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động văn hóa trong xây dựng Nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025* (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì) do PGS.TS. Nguyễn Thị Phương Châm làm chủ nhiệm (đã nghiệm thu chính thức ngày 18/2/2022).

chuẩn hóa trên cả nước thành hiện thực ở từng cộng đồng. Trong quá trình triển khai thực hiện, sự tiếp cận ở mỗi địa phương đã diễn ra theo những xu hướng khác nhau, trong đó đáng chú ý hơn cả là xu hướng “thích ứng”.

Qua việc làm rõ các khía cạnh thích ứng của hai cộng đồng nông thôn với chính sách văn hóa ở cơ sở trong bối cảnh nông thôn mới, bài viết này làm rõ quá trình chính sách được hiện thực hóa ở cấp độ địa phương dựa trên sự nhìn nhận, cân nhắc và điều chỉnh các quy chuẩn bằng các hành động mang tính tập thể của cộng đồng. Điều này một mặt phản ánh tính chất cứng nhắc cố hữu của các tiêu chí quốc gia được áp dụng từ trên xuống dưới, cái tạo nên sức ép không nhỏ cho cộng đồng; mặt khác, cũng cho thấy một xu hướng thích ứng thay vì hoàn toàn chấp nhận hoặc từ chối dựa trên các khía cạnh quyền lực hoặc lợi ích. Các vấn đề được trình bày trong bài viết cho thấy, trong bối cảnh cộng đồng được trao quyền, họ có khả năng tự xây dựng các chiến lược để đảm bảo cho mục tiêu của chính sách quốc gia và những mong muốn của riêng họ có thể cùng được thực hiện.

Tư liệu của bài viết là sản phẩm từ hai cuộc điền dã được thực hiện từ ngày 8 đến ngày 11/11/2021 tại huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn, và từ ngày 23 đến ngày 26/11/2021 tại huyện Bồ Trạch, tỉnh Quảng Bình. Hai địa bàn đại diện cho hai bối cảnh khác nhau về vùng miền và tộc người. Tuy nhiên, tại mỗi nơi, chúng tôi chỉ trình bày tư liệu tại một thôn để làm rõ những vấn đề ở cấp độ cộng đồng. Trên cơ sở của một nghiên cứu định tính, hai kỹ thuật thu thập thông tin chủ yếu là quan sát và phỏng vấn sâu. Người được phỏng vấn được lựa chọn theo nghề nghiệp hay vị trí xã hội của họ, bao gồm: cán bộ địa phương, trưởng thôn và những người có uy tín khác, và những người dân bình thường. Quá trình điền dã tại mỗi địa bàn chỉ kết thúc sau khi chúng tôi xác định rằng thông tin đã bão hòa. Có rất nhiều vấn đề khác nhau liên quan đến chính sách văn hóa trong CTNTM tại hai địa bàn khảo sát được phát hiện. Tuy nhiên, ở đây chúng tôi chỉ tập trung vào khía cạnh “thích ứng” của cộng đồng, đồng thời cũng là trọng tâm của bài viết.

## 2. Sự thích ứng với chính sách văn hóa

Như mọi chính sách khác, chính sách văn hóa thường mang tính chính trị. Tính chính trị ở đây là cách mà các nhà nước mong muốn đạt được qua việc hiện thực hóa mục tiêu văn hóa. Tại các quốc gia xã hội chủ nghĩa, văn hóa có một tầm quan trọng về chính trị và tư tưởng. Thông qua việc giới hạn cách hiểu về văn hóa, gắn nó với những giá trị và những biểu đạt nhất định cùng với việc áp hệ tư tưởng xã hội chủ nghĩa lên giá trị - lý tưởng của văn hóa, các nhà hoạch định chính sách có thể làm thay đổi và kiểm soát được văn hóa, thậm chí biến nó thành công cụ chiến lược phục vụ tuyên truyền hệ tư tưởng. Trong quá trình này, quyền lực Nhà nước là: “Can thiệp hoặc cho phép, làm cho có thể hoặc không thể” (de Certeau, 1993, tr.187). Điều này ít nhiều dẫn đến sự mất mát của những nét đặc trưng văn hóa trong quá trình thực hiện chính sách của nhà nước. Dù vậy, trong nhiều trường hợp, chính sách có thể thực sự duy trì và kích thích văn hóa theo những khả năng mà người hoạch định chính sách không thể dự đoán hoặc kỳ vọng. Trong khi các nhà nước mong muốn thay đổi văn hóa thành một công cụ chiến lược của họ, một thách thức thường gặp là tình trạng không thể tách rời giữa việc duy trì các biểu đạt văn hóa theo khuôn khổ chính trị với việc người dân hay các tổ chức (qua việc vận dụng các quyền của mình) có thể sử dụng nó vào các mục đích khác, bao gồm cả các mục đích văn hóa ngoài khuôn khổ chính trị như vậy (Chettraru, 2006, tr.8-16).

Khi thảo luận về cách mà chính sách văn hóa đi vào cuộc sống, không phải với kết quả là sự thất bại hay bị từ chối, mà với kết quả là việc tạo ra các điều kiện và khả năng đa dạng, một số tác giả đã mô tả về một tiến trình từ dưới lên gọi là “sự thích ứng”. Thuật ngữ có nguồn gốc từ tiếng Latinh, có nghĩa là “phù hợp” (Cohen, 2012, tr.6). Các định nghĩa phổ biến xác định sự thích ứng là những cơ chế điều chỉnh hành vi của cá thể hoặc nhóm để phù hợp với một môi trường sinh thái tự nhiên

mang các đặc điểm nhất định. Khi mối quan tâm được mở rộng hơn, các học giả phần nhiều mới chỉ quan tâm đến sự chuyển dịch trong các khía cạnh thích ứng của con người với môi trường ổn định sang môi trường đang biến đổi. Tuy nhiên, bản thân khái niệm “môi trường” có nội hàm rộng, nó có thể bao gồm cả môi trường sinh thái tự nhiên lẫn cái gọi là môi trường xã hội, với các khía cạnh kết hợp giữa kinh tế, chính trị, văn hóa. Nghiên cứu nhân học của Leach về người Kachins từ giữa thế kỷ XX cho thấy sự thích ứng của con người với môi trường của họ bao gồm sự thích ứng với nhiều yếu tố khác không chỉ giới hạn trong các đặc điểm tự nhiên của vùng đất nơi họ sống. Nó bao gồm cả sự thích ứng với các hiện trạng xã hội trong quan hệ giữa các tộc người khác nhau vốn được cấu trúc về mặt chính trị (Leach, 1954).

Như đã đề cập ở trên, với khả năng “can thiệp hoặc cho phép, làm cho có thể hoặc không thể”, chính sách văn hóa ở cơ sở hướng đến việc can thiệp vào đời sống văn hóa của người dân, thiết lập các điều kiện sống mới để tạo ra “đời sống văn hóa mới” - thứ được Nhà nước tuyên bố là tiến bộ hơn các truyền thống văn hóa cũ của các cộng đồng. Như phân tích của Nguyễn Thị Phương Châm (2021) về vấn đề văn hóa trong xây dựng nông thôn mới ở Việt Nam, chính sách cuối cùng hướng đến tình trạng gọi là “đồng dạng văn hóa”, một mặt có thể tạo ra sự thuận tiện cho nhà quản lý, sự dễ dàng cho việc triển khai, sự đơn giản trong việc lượng hoá các số liệu phục vụ cho báo cáo, sự thuận lợi trong phân bổ các nguồn lực; mặt khác, cũng làm nghèo nàn đi các giá trị văn hoá khi người dân không còn duy trì những giá trị không được khuyến khích. Tuy nhiên, có một sự khác biệt đáng kể giữa “đời sống văn hóa mới” theo lý tưởng của Nhà nước với “đời sống văn hóa mới” mà các cộng đồng đã và đang xây dựng. Như nhận định của Keyes trong nghiên cứu của ông về văn hóa xã hội các tộc người ở khu vực Đông Nam Á, ở cấp độ địa phương, sự đa dạng văn hóa ở các cộng đồng vẫn có thể tồn tại trong bối cảnh thực thi chính sách quốc gia thống nhất. Có thể hiểu rõ về sự đa dạng này nếu công nhận rằng: “Văn hóa là biểu hiện của sự thích nghi của con người với các điều kiện tồn tại của họ” (Keyes, C.F., 1995, tr.9). Văn hóa theo nghĩa rộng, với đặc tính thích ứng, bao gồm cách mà cộng đồng tự tổ chức cuộc sống của họ và phản ứng với các chính sách của Nhà nước.

Vậy thì sự thích ứng của cộng đồng với chính sách có thể biểu hiện như thế nào? Theo Cohen (2012), sự tương tác năng động giữa con người, văn hóa và môi trường thường liên quan đến vấn đề về sự sáng tạo. Sự thích ứng được định nghĩa là sự phù hợp hoặc điều chỉnh của con người với các điều kiện bên ngoài, nhưng thích ứng cũng có thể có nghĩa là cố gắng chuyển từ môi trường này sang môi trường khác phù hợp hơn, hoặc thậm chí buộc môi trường phải thích ứng để đáp lại những nỗ lực sáng tạo. Thích ứng có thể là sự tuân thủ chặt chẽ với các điều kiện của một môi trường hạn chế ngăn cản sự sáng tạo: chủ thể tự điều chỉnh một cách sáng tạo để phù hợp với những sắc thái của một môi trường đang thay đổi. Thích ứng cũng xảy ra khi chủ thể cố gắng sửa đổi/ thay đổi môi trường để đáp ứng nhu cầu của họ. Trong hầu hết các trường hợp, “sự thích ứng sáng tạo” liên quan đến hầu hết hoặc tất cả những ảnh hưởng định hình lẫn nhau này giữa con người và môi trường. Như lưu ý của Runco (1999), sự thích ứng phụ thuộc vào phản ứng của chủ thể, có thể bị ảnh hưởng bởi các mối quan hệ xã hội và ảnh hưởng kinh tế xã hội, cũng như đối phó với căng thẳng, thách thức và nghịch lý trong đời sống của họ. Các luận điểm này đều có thể được cụ thể hóa trong phạm vi sự thích ứng của các cộng đồng nông thôn với chính sách văn hóa giống như các điều kiện mới của môi trường.

### **3. Sự thích ứng của các cộng đồng với chính sách văn hóa khi thực hiện “Chương trình Nông thôn mới”**

Thuộc địa phận xã Hải Yến, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn, thôn Bó Khuông là một thôn miền núi chịu ảnh hưởng mạnh mẽ của CTNTM. Thôn có đại bộ phận dân cư là người dân tộc Nùng, gồm 142 hộ, 570 khẩu, chủ yếu làm việc trong lĩnh vực nông - lâm nghiệp. Hai xóm 1 và 2 trước đây là

hai thôn độc lập, sau sự sắp xếp lại đơn vị hành chính thì đã được hợp nhất thành thôn Bó Khuông bây giờ. Từ năm 2018, thôn được chính quyền vận động xây dựng “Khu dân cư kiểu mẫu” để trở thành điểm nhấn cho xã “Nông thôn mới nâng cao” Hải Yên. Với kế hoạch này, bên cạnh những động thái nhằm nâng cao các tiêu chí phát triển kinh tế - xã hội, thôn cũng đang trong quá trình tái cấu trúc toàn diện cảnh quan khu dân cư và xây dựng đời sống văn hóa mới.

Thôn Quý Thuận, xã Hải Phú, huyện Bồ Trách, tỉnh Quảng Bình, thuộc địa phận xã Phú Trạch cũ - một địa bàn đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển, nơi thường xuyên chịu ảnh hưởng của mưa bão, lũ lụt. Dân cư của thôn đều là người Kinh, có lịch sử định cư vài trăm năm. Thôn hiện nay có 136 hộ, 533 nhân khẩu, làm việc trong lĩnh vực nông - ngư nghiệp, kết hợp với các công việc làm ăn xa nhà. Thôn chưa được lựa chọn để làm mô hình điểm về “Thôn văn hóa” hoặc “Khu dân cư kiểu mẫu” tại địa phương, song đã tham gia vào nhiều cuộc vận động và chứng kiến nhiều thay đổi trên các lĩnh vực văn hóa xã hội kể từ khi xã Hải Phú bắt tay vào xây dựng nông thôn mới.

### *3.1. Xây dựng và quản lý cơ sở vật chất văn hóa*

Trong khuôn khổ của Tiêu chí 06, các thiết chế văn hóa mới như nhà văn hóa và khu thể thao sẽ được xây dựng tới từng đơn vị dân cư. Tiêu chí này hướng tới việc “đồng bộ hóa” các thiết chế văn hóa cơ sở với những quy chuẩn tối thiểu về diện tích và trang bị được áp dụng một cách đại trà. Thông tư số 05/2014/TT-BVHTTDL của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Sửa đổi, bổ sung Điều 6 của Thông tư số 12/2010/TT-BVHTTDL ngày 22 tháng 12 năm 2010 quy định mẫu về tổ chức, hoạt động và tiêu chí của Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã và Thông tư số 06/2011/TT-BVHTTDL ngày 08 tháng 3 năm 2011 quy định mẫu về tổ chức, hoạt động và tiêu chí của Nhà Văn hóa - Khu Thể thao thôn ký ngày 10 tháng 6 năm 2014 xác định quy chuẩn tối thiểu là khác nhau giữa các vùng miền. Trên thực tế, các quy định cập nhật về xây dựng thiết chế văn hóa ở cơ sở có xu hướng hạ thấp các tiêu chuẩn về xây dựng công trình trước đây - vốn đã bị phê bình là còn quá cầu kỳ về hình thức, tạo gánh nặng kinh phí và sử dụng không hết công năng. Tuy nhiên, ngay cả khi đã hạ thấp các tiêu chuẩn, tại một số vùng, việc xây dựng nhà văn hóa và khu thể thao theo tiêu chuẩn vẫn còn thiếu tính thực tế. Đó thường là những khu dân cư ít người, với địa hình hiểm trở, quỹ đất hạn chế, hoặc có điều kiện kinh tế khó khăn. Tại Lạng Sơn và Quảng Bình, với phản ứng của người dân, chính quyền địa phương cũng đã linh động điều chỉnh cách hiểu, thực hiện và đánh giá thực hiện các quy chuẩn sau khi triển khai trong thực tiễn. Tại Lạng Sơn, Quyết định số 315/QĐ-UBND ngày 28 tháng 2 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc áp dụng một số tiêu chí trong bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn, một mặt cũng quy định diện tích đất quy hoạch cho nhà văn hóa thôn từ 200 m<sup>2</sup> trở lên và quy mô xây dựng nhà văn hóa từ 80 chỗ ngồi trở lên, nhưng trong trường hợp địa phương gặp khó khăn về mặt bằng thì bảo đảm có đủ chỗ ngồi tương ứng với số hộ trong thôn, thậm chí không bắt buộc phải làm sân khấu trong nhà văn hóa. Trường hợp cộng đồng dân cư sử dụng đình làng hoặc điểm sinh hoạt cộng đồng khác làm nơi hoạt động văn hóa, thể thao mà đảm bảo diện tích, có trang thiết bị và nội dung hoạt động theo tiêu chuẩn của nhà văn hóa thì được tính là “có nhà văn hóa thôn”. Bên cạnh đó, các thôn được khuyến khích làm “sân tập thể thao đơn giản” mà không đặt ra một chuẩn tối thiểu nào. Chỉ trong hướng dẫn về xây dựng xã đạt chuẩn “Nông thôn mới nâng cao” thì mới có yêu cầu các sân thể thao có diện tích từ 200 m<sup>2</sup> trở lên. Tại Quảng Bình, theo chia sẻ của một lãnh đạo Sở Văn hóa và Thể thao, khi thực hiện xây dựng nông thôn mới, tính từ lâu có quy ước rằng, có thể cộng gộp quy mô chỗ ngồi của nhà văn hóa với các điểm sinh hoạt cộng đồng khác mà người dân ở các thôn đang sử dụng song song với nhà văn hóa, để tính vào tổng kê tình hình thực hiện tiêu chí số 06.

Theo giải thích của cán bộ Sở Văn hóa ở hai tỉnh, đó là những cách thức giúp họ linh động thực hiện tiêu chí số 06, cốt yếu là để làm sao người dân ở các khu dân cư có thể xây dựng và sử dụng

được nhà văn hóa. Họ nhấn mạnh rằng, đôi khi phải xây dựng nhà văn hóa mới ở xa khu dân cư thì mới có đủ diện tích mà quy chuẩn quốc gia bắt buộc, và nó dẫn đến việc người dân khó tiếp cận. Còn nếu cố xây trong khu dân cư với diện tích theo quy chuẩn, nó có thể dẫn đến việc đội chi phí để giải quyết vấn đề mặt bằng. Cũng có trường hợp, tuy sắp xếp được mặt bằng rộng trong khu dân cư, song cộng đồng lại chỉ làm nhà văn hóa có diện tích khiêm tốn, vì họ không có kinh phí, và trên hết, là không có nhu cầu làm công trình lớn. Nói chung, đó là cách để chính quyền địa phương và người dân cùng thích ứng với bộ tiêu chí quốc gia. Kết quả là xuất hiện những công trình nhà văn hóa có quy mô nhỏ, kinh phí xây dựng thấp, chưa thực sự khang trang, song người dân lại dễ tiếp cận và thực tế là có hiệu quả sử dụng cao. Chẳng hạn, nhà văn hóa xóm 1 thôn Bó Khuông rộng 120 m<sup>2</sup>, kinh phí xây dựng 200 triệu đồng. Do địa thế nằm trên sườn đồi lọt giữa khu dân cư nên công trình chỉ mở được đúng một cửa theo chiều rộng của mảnh đất. Người dân xóm 1 quyết định thiết kế công trình thành dạng nhà ống kiểu như nhà dân, nói chung là không được khang trang, song phù hợp với điều kiện của họ. Còn tại thôn Quý Thuận, nhà văn hóa có khuôn viên rộng hơn 1.000 m<sup>2</sup> trong khu dân cư, song công trình hội trường chỉ rộng có 124 m<sup>2</sup>, kinh phí xây dựng 70 triệu đồng. Phần diện tích 900 m<sup>2</sup> còn lại, người dân thiết kế làm sân gạch và sân thể thao. Cả hai công trình nếu chiếu theo bộ tiêu chí quốc gia thì đều không đạt chuẩn nhưng người dân lại cho là phù hợp với điều kiện và nhu cầu của họ.

Bên cạnh việc đầu tư, xây dựng, vấn đề tổ chức bộ máy quản lý cơ sở vật chất văn hóa gắn với thiết chế văn hóa mới cũng được quy định chặt chẽ trong các hướng dẫn từ Trung ương. Theo các thông tư của Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch, nhà văn hóa - khu thể thao thôn do Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã quyết định thành lập, lãnh đạo toàn diện, trưởng thôn trực tiếp quản lý và chịu sự hướng dẫn về nghiệp vụ của Trung tâm Văn hóa - Thể thao cấp trên. Căn cứ tình hình địa phương, trưởng thôn tổ chức bầu chọn Chủ nhiệm hoặc Ban Chủ nhiệm Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn, hoạt động theo nguyên tắc kiêm nhiệm, tự quản, tự trang trải từ nguồn kinh phí xã hội hóa và hỗ trợ của ngân sách xã. Thực tế cho thấy phần lớn các nhà văn hóa thôn tại các tỉnh/ thành chỉ do trưởng thôn là người trực tiếp quản lý, ít khi bầu chủ nhiệm hoặc ban chủ nhiệm. Với các nhà văn hóa được xây dựng và trang bị chủ yếu hoặc có một phần nhờ ngân sách nhà nước, trưởng thôn chịu trách nhiệm trước chính quyền xã về việc quản lý, sử dụng, bảo quản các trang thiết bị ở nhà văn hóa. Việc này có thể được mô tả là một áp lực, và trong nhiều trường hợp, đã dẫn tới cơ chế kiểm soát quá “chặt” gây hạn chế sự tiếp cận của người dân với nhà văn hóa (Nguyễn Thanh Tùng, 2021).

Trong khuôn khổ đề tài “Giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động văn hóa trong xây dựng Nông thôn mới giai đoạn 2021-2025”, tư liệu điền dã ở huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La cho thấy nhà văn hóa của nhiều địa phương được xây dựng chủ yếu bằng nguồn kinh phí từ ngân sách nhà nước. Phần lớn nhà văn hóa thôn được xây dựng trong khoảng thời gian từ năm 2018 đến năm 2021 - ví dụ như ở thôn Chiêng Hạ, thôn Mo Nghè 2 thuộc xã Quang Huy, thôn Trờ 1 thuộc xã Huy Hạ - được xây dựng theo cùng một mô hình: cộng đồng hiến đất hoặc mua lại đất nông nghiệp của các hộ gia đình để có mặt bằng, bên cạnh đó là tự xây dựng hàng rào/ tường bao; chính quyền cấp phần lớn kinh phí và cử nhà thầu xây dựng công trình nhà văn hóa, đồng thời cấp trang thiết bị như ti vi, âm ly, loa đài, bục, rèm... Các nhà văn hóa có kiến trúc cơ bản giống nhau (vì cùng dựa theo một số phương án thiết kế được đồng bộ hóa), và đều trong tình trạng “đóng cửa cài then” thường xuyên, vì trưởng thôn phải chịu trách nhiệm trước chính quyền về việc bảo vệ công trình và các tài sản bên trong. Về cơ bản, người dân nơi đây coi nhà văn hóa là của “Nhà nước” nên có nhiều hạn chế trong tiếp cận sử dụng, dẫn đến công năng của nhà văn hóa không được sử dụng hết.

Tình trạng tương tự cũng diễn ra tại các nhà văn hóa mới được xây dựng tại xã Nam Thanh, huyện Nam Đàn, trong phạm vi của Đề án xây dựng huyện Nông thôn mới kiểu mẫu theo hướng “Phát triển

văn hóa gắn với du lịch”. Theo đó, một nhà văn hóa xóm (với tên gọi là “trung tâm văn hóa”) vô cùng quy mô, bề thế được xây dựng thí điểm cho các xóm với tổng kinh phí trên 6 tỷ đồng. Việc này tiềm ẩn nguy cơ lãng phí cũng như tạo gánh nặng cho cộng đồng, bởi nhu cầu của người dân không đến mức như vậy. “Trung tâm văn hóa” đã được xây dựng tại xóm 3 tuy rất bề thế, khang trang, song vẫn chưa chứng minh được hiệu quả sử dụng, bởi người có trách nhiệm quản lý có xu hướng hạn chế sự tiếp cận tự do (sự tiếp cận không cần đăng ký trước) của chính những người trong cộng đồng đối với một thiết chế văn hóa được đầu tư lớn như vậy.

Tại nhiều địa phương khác, có những trường thôn đã nhận thức rõ tính bất cập của cơ chế quản lý nhà văn hóa này không chỉ đối với người dân mà còn với chính họ. Họ không phải lúc nào cũng có thời gian để trông nom nhà văn hóa và mở cửa ngay khi có người cần. Nhằm khắc phục, nhiều người quyết định giao chìa khóa cho những nhân vật có uy tín khác tại thôn, thường là Bí thư chi bộ và Trường ban Công tác mặt trận. Có nơi thì cách quản lý nhà văn hóa trở nên “mở”. Ở thôn Quý Thuận, trưởng thôn vẫn là người chịu trách nhiệm chính cho tài sản của nhà văn hóa, nhưng không chọn cách chỉ mở nó ra lúc cần họp hành như mọi nơi. Thay vào đó, một người dân sống gần nhà văn hóa được giao nhiệm vụ trông coi, quét dọn. Người này được trả công 1,2 triệu đồng/ tháng trích từ quỹ thôn, với sự đồng thuận của cộng đồng.

Ở huyện Cao Lộc, sau khi địa phương tiến hành sáp nhập hai thôn theo chủ trương sắp xếp lại đơn vị hành chính, thôn ở trong tình trạng có hai nhà văn hóa và cả hai vẫn được sử dụng. Tuy đã chung một thôn, nhưng thực chất người dân mỗi nơi vẫn sinh hoạt tại nhà văn hóa trước đây của họ. Giải pháp phổ biến của các trường thôn là phân quyền quản lý: trưởng thôn sẽ quản lý một nhà văn hóa nơi người này sống, còn bí thư sẽ quản lý nhà văn hóa còn lại. Cách làm này đôi lúc tỏ ra bất cập, như việc một trong hai lãnh đạo thôn không thể tự mở cửa tất cả nhà văn hóa. Nhưng ít nhất, nó cho phép việc quản lý các nhà văn hóa trở nên thuận tiện hơn, tránh tình cảnh phải đóng cửa, chuyển đổi công năng một nhà văn hóa mà mở rộng nó làm nơi sinh hoạt chung của người dân.

### *3.2. Tổ chức hoạt động văn hóa gắn với thiết chế văn hóa mới*

Đối với các hoạt động văn hóa gắn với thiết chế văn hóa mới, vấn đề đặt ra ở các địa phương là làm sao có thể thu hút người dân tham gia vào các hoạt động đó như một cách thức để phát huy hiệu quả đầu tư vào thiết chế văn hóa. Tuy nhiên, yêu cầu này gặp nhiều vướng mắc như người dân mãi làm kinh tế, ít mặn mà với hoạt động văn hóa; nhà văn hóa có vị trí hoặc thiết kế chưa phù hợp; người dân bị hạn chế tiếp cận bởi cơ chế quản lý “chặt”; và quan trọng nhất, là cách hiểu còn hạn hẹp về việc thế nào là hoạt động văn hóa có thể được tổ chức tại đây.

Huyện Bó Trạch được đánh giá là địa phương có nhiều nhà văn hóa được mở rộng chức năng hoạt động, không bó gọn trong phạm vi hẹp như trước rằng, chỉ là nơi chủ yếu để hội họp, phổ biến nhiệm vụ chính trị, tập huấn, tập luyện ca múa nhạc, giao lưu văn hóa, sinh hoạt văn nghệ quần chúng mà còn được dùng làm nơi sinh hoạt hội nhóm thường ngày (Trương Tấn Minh, 2012). Sự thành công này có một phần quan trọng đến từ một đặc điểm gọi là phi tập trung hóa hoạt động văn hóa: tại các nhà văn hóa thôn, hình thức tụ họp, vui chơi, liên hoan theo từng nhóm nhỏ lại phát huy nhiều ưu điểm hơn so với các hoạt động hội hè đông người và được tổ chức chặt chẽ. Như tại thôn Quý Thuận, người dân coi nhà văn hóa là nơi giao lưu hàng ngày. Các hoạt động đời thường được cho phép một cách không thành văn bởi người quản lý nhà văn hóa. Thậm chí, nhà văn hóa còn để sẵn nhiều vật dụng phục vụ cho các hoạt động này.

Thuộc địa bàn khó khăn vùng bãi ngang ven biển nơi thường xuyên chịu ảnh hưởng của thiên tai, thôn Quý Thuận nói riêng và các thôn thuộc xã Phú Trạch cũ nói chung hiện được phân loại là “nghèo” trong tương quan với các khu vực phía đông của xã Hải Phú hiện nay. Người dân chủ yếu

làm nông nghiệp. Cuộc sống của họ đến nay tuy đã có nhiều cải thiện so với trước, song vẫn còn khá bấp bênh. Tâm lý chung, họ cũng có nhu cầu gửi gắm niềm tin vào lực lượng siêu nhiên để mong cuộc sống trở nên dễ chịu hơn. Tuy vậy, bởi thực tế là các hệ thống đình, miếu của họ đã bị phá hủy từ lâu và chưa thể được khôi phục, thực hành tín ngưỡng liên quan đến các thần bản địa gặp trở ngại lớn. Như một giải pháp thay thế, vùng này lại là nơi thực hành mạnh việc thờ cúng Chủ tịch Hồ Chí Minh. Riêng ở Quý Thuận, người dân còn thờ Đại tướng Võ Nguyên Giáp và chân dung cả hai vị được đặt ngay tại nhà văn hóa với ban thờ hoàn chỉnh (huơng khói đầy đủ trong các ngày sóc vọng). Có thể nói, đây cũng là phương thức mở rộng chức năng hoạt động nhà văn hóa mặc dù nó dẫn đến sự sai khác với quy chuẩn thông thường của thiết chế.

Tại thôn vùng cao Bó Khuông, người dân cũng có cách riêng để mở rộng chức năng của nhà văn hóa. Việc người dân ở mỗi xóm chọn sinh hoạt tại nhà văn hóa xóm mình chứ không chọn cách xây mới một nhà văn hóa chung phục vụ cho dân hai xóm là cách để họ duy trì các hoạt động văn hóa, văn nghệ đã được tổ chức thành nền nếp. Để làm phong phú hoạt động văn hóa tại nhà văn hóa, họ chọn cách liên kết địa điểm này với các trình diễn văn hóa liên quan đến thiết chế văn hóa truyền thống mà điển hình là miếu thờ thổ công. Đối với người Nùng tại địa phương, múa sư tử mèo là một loại hình trình diễn truyền thống quan trọng, giúp mang đến điềm lành, xua đuổi tà ma, giúp làm ăn thuận lợi, mùa màng bội thu. Vào tết, đội múa sư tử sẽ đi biểu diễn ở miếu thờ thổ công rồi tới từng nhà. Nhưng tại “Khu dân cư kiêu mẫu” tại xóm 1, đội múa các năm chọn cách biểu diễn tại sân nhà văn hóa cho người dân xem trước, sau đó biểu diễn ở miếu thờ thổ công, cuối cùng tới các hộ gia đình. Cũng bởi vậy, họ đặt đồ nghề múa sư tử luôn ở nhà văn hóa.

Cùng với hội hè, hoạt động văn nghệ là yếu tố quan trọng khác nằm trong định hướng của Nhà nước về hoạt động văn hóa cơ sở. Tuy nhiên, tình trạng phổ biến ở nhiều nơi là các đội, các câu lạc bộ văn nghệ thôn xóm hoạt động còn rất hạn chế, do bị phụ thuộc vào ngân sách và kế hoạch tổ chức các sự kiện của xã. Trong nhiều trường hợp, không có sự kiện thì các đội không hoạt động, hoặc trầm lắng. Huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La hiện có khoảng hơn 200 đội văn nghệ quần chúng đang hoạt động. Ngân sách huyện cấp kinh phí hoạt động cho mỗi đội là 2 triệu đồng/năm và mỗi thôn chỉ được nhận một suất (nếu bản có từ 2 đội trở lên thì chỉ có 1 đội được công nhận chính thức và được hưởng tiền). Khoản tiền này chỉ có ý nghĩa khuyến khích là chính, không đủ để mua trang phục chứ chưa nói đến việc bồi dưỡng hàng tháng cho các thành viên. Tuy nhiên, các đội văn nghệ vẫn buộc phải duy trì tập luyện, không chỉ để phục vụ các ngày lễ, tết, Xíp xíp (ngày lễ truyền thống của người Thái trắng tại địa phương), mà còn để phục vụ những hoạt động chung mà gần như là một nhiệm vụ cho họ: giao lưu văn nghệ tại nhà văn hóa xã để tạo khí thế “mừng Đảng mừng xuân” và biểu diễn tại nhà văn hóa thôn để mừng ngày hội Đại đoàn kết dân tộc.

Vấn đề trên lại không diễn ra ở thôn Bó Khuông, vì người dân đã tự nhận thức rằng văn nghệ tập thể không nên chỉ bị giới hạn trong mục đích “mừng Đảng, mừng xuân”. Hơn nữa, họ cũng không quá trông chờ vào nguồn kinh phí hỗ trợ của xã. Thôn có tới hai câu lạc bộ múa sư tử mèo và hai đội hát *sli*. Vào đầu năm, các hộ trong thôn tự nguyện đóng góp từ 50.000 đồng đến 200.000 đồng để duy trì hoạt động cho các câu lạc bộ và đội văn nghệ.

Có một quan niệm đã tồn tại từ nhiều năm nay liên quan đến chính sách cho hoạt động văn nghệ ở thiết chế văn hóa cơ sở, đó là hoạt động văn nghệ nhất thiết phải gắn với sinh hoạt hội nhóm dưới hình thức đội văn nghệ hoặc câu lạc bộ đã đăng ký. Tất cả các thực hành dân ca, dân vũ mang tính cá nhân, không có tính trình diễn, biểu diễn thì đều có xu hướng bị loại khỏi hệ thống này. Tuy nhiên, những sinh hoạt kiểu dân vũ tự phát ở các nhà văn hóa lại có xu hướng phát triển, vì nó khuyến khích cả tinh thần văn nghệ và rèn luyện cơ thể. Ở thôn Quý Thuận, nhiều đội văn nghệ được thành lập bởi đoàn thể trong phạm vi thôn, sinh hoạt tập trung tại nhà văn hóa thôn. Mọi người tham gia tùy hứng,

không cần phải cố định việc tập luyện vào một số thời điểm trong năm để “mừng Đảng, mừng xuân”. Sinh hoạt văn nghệ của họ hầu như không đặt nặng vấn đề biểu diễn, thi đấu giao lưu như các đội văn nghệ được chính quyền quan tâm, mà chủ yếu nghiêng về tính giải trí, rèn luyện sức khỏe.

### 3.3. Xây dựng và duy trì cảnh quan văn hóa

Chính sách văn hóa mới ở nông thôn Việt Nam những năm gần đây thể hiện sự chú ý đến quan hệ tương tác hài hòa giữa môi trường xã hội với môi trường tự nhiên, giữa hành vi văn hoá với cảnh quan môi trường. Điều này đã được nhấn mạnh trong Tiêu chí 17 của CTNTM cũng như chỉ tiêu liên quan đến vấn đề môi trường trong xây dựng “Khu dân cư văn hóa” thuộc tiêu chí 16, đặc biệt là trong xây dựng “Nông thôn mới nâng cao”, “Nông thôn mới kiểu mẫu”. Trên cơ sở này, các địa phương đã thực hiện quy hoạch lại cảnh quan, môi trường văn hóa theo tiêu chí “Sáng - Xanh - Sạch - Đẹp”. Một mặt, nó được cụ thể hóa bằng việc tổ chức, duy trì hoạt động vệ sinh môi trường thường xuyên. Mặt khác, nó gắn với những quy hoạch mang bản chất phát triển hạ tầng nông thôn, với việc thiết lập những yếu tố vật chất mang ý nghĩa trang trí, làm đẹp cảnh quan như: làm đường bê tông; xây công chào; làm đường hoa dọc hai bên đường; đồng bộ hóa hệ thống tường rào, đèn chiếu sáng trên các trục đường, dựng pano, áp phích cổ động... Điều này được thể hiện rất rõ ở các xã “Nông thôn mới nâng cao” của Nam Đàn (Nghệ An), Phù Yên (Sơn La), Cao Lộc (Lạng Sơn) khi chính quyền vận động (thực chất là chỉ đạo) quy hoạch khu dân cư đồng bộ đến từng con đường, con ngõ, phải có hàng rào cứng (tường bao), và những cột điện, cột cờ cùng một kích thước, khoảng cách. Đặc biệt, mô hình “Vườn kiểu mẫu” được áp dụng tại xã Nam Thanh, Nam Đàn đã đưa các tiêu chí chuẩn hóa đến tận vườn cây của các hộ gia đình (để làm điểm nhấn thu hút khách du lịch). Các hộ dân được chọn bị buộc phải phá bỏ những cây cổ thụ, cây ăn quả, cây lầy gỗ “không đúng loại” và “không ngay hàng thẳng lối” trong vườn nhà mình. Thay vào đó là những vườn kiểu mẫu theo hệ tiêu chí của xã, chỉ những loại cây có trong danh sách được lựa chọn cùng sự kiểm soát về kích cỡ, khoảng cách cây thuần túy mang tính kỹ thuật. Trong công cuộc này, những cái đẹp riêng của vùng nông thôn đôi khi bị loại bỏ, cho là “kém đẹp”, chẳng hạn như những bức tường phủ đầy rêu, những hàng rào tre, nứa được làm giản dị, những con đường toàn cỏ hoặc hàng cây tạp mọc hai bên...

Những quy hoạch kiểu này hướng tới sự đồng bộ nên sự tham gia giống nhau của các hộ gia đình là một yêu cầu bắt buộc. Điều này tất yếu gặp cản trở bởi khả năng kinh tế của mỗi hộ là không giống nhau, chưa kể khó khăn khác về địa hình, quỹ đất và thời tiết. Để khắc phục, cư dân đôi khi lựa chọn thay đổi nội dung và mức độ của sự đồng bộ.

Ở thôn Bó Khuông, để xây dựng thôn thành “Khu dân cư kiểu mẫu”, chính quyền đã vận động các hộ gia đình làm công chào và tường rào đồng bộ, thay thế cho kiến trúc truyền thống vốn không phù hợp với tiêu chí “Sáng - Xanh - Sạch - Đẹp”. Dù đã từng ủng hộ tích cực việc bê tông hóa các trục đường, không ít người dân lại ngần ngại với việc phải làm công chào và tường rào mới. Trưởng thôn Bó Khuông cho biết, vào năm 2016, khi triển khai tuyên truyền xây dựng cảnh quan mới, có những hộ tỏ ý không ủng hộ, nói rằng: “Không phải là không cần thiết, mà mức sống của chúng tôi chưa đến mức để làm được như thế”. Giải pháp mà tất cả mọi người đồng thuận là không xây dựng tường rào bằng gạch, mà làm hệ thống hàng rào “mềm” bằng cây xanh. Việc làm công thì phức tạp hơn vì bắt buộc phải là công “cứng” theo một mẫu mà xã giới thiệu: cột xây bằng gạch đỏ cao 2,5 m, có hai cánh cửa, mái lợp tôn. Với mẫu công này, mỗi hộ phải bỏ ra 8 đến 12 triệu đồng và xã chỉ hỗ trợ kinh phí đến 1 triệu đồng. Kế hoạch được áp dụng tại nhiều thôn trong xã, nhưng riêng tại Bó Khuông, cộng đồng dân cư đã có một giải pháp linh hoạt: không phải tất cả các hộ đều làm công mà chỉ tập trung vào những hộ có nhà gần mặt đường nơi dễ trông thấy. Với chủ trương trên, có 24 hộ thực hiện trước và 7 hộ được vận động làm công sau trong 5 năm.



Ở thôn Quý Thuận, với đặc điểm văn hóa miền xuôi, người dân từ lâu đã quen sống trong ngôi nhà với khuôn viên được bao bằng tường gạch và cổng kiên cố. Trong quá trình xây dựng nông thôn mới, chỉnh trang cảnh quan văn hóa của thôn, các hộ gia đình đã tự giác nắn chỉnh và đồng bộ hóa vật liệu, màu sắc tường gạch dọc các trục đường. Tuy nhiên, với đường nội thôn, nội đồng không đi qua nhà nào, việc lập hàng rào “mềm” bằng cây cảnh là khó khăn. Tình trạng lũ lụt vùng cửa sông chưa thể khắc phục được khiến cây cối, hoa màu có thể bị phá hỏng chỉ sau một trận lũ. Dù vậy, người dân lại thành công với mai dương - một loài cây sức sống cao, bị xem là có hại theo quan điểm của ngành nông nghiệp - khi biến nó thành hàng rào vừa để tạo cảnh quan đẹp, vừa ngăn trâu bò đi lại qua các mảnh ruộng. Việc này không đòi hỏi chi phí giống và chăm sóc cây, chỉ cần các nhóm hộ và đoàn thể góp ngày công. Đây là sự sáng tạo của người dân để hưởng ứng cuộc vận động xây dựng nông thôn mới “Sáng - Xanh - Sạch - Đẹp” khi biến loại cây có hại thành loại cây tạo dựng cảnh quan văn hóa.

### *3.4. Thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang*

Sau hơn 20 năm kể từ Chỉ thị 27-CT/TW (năm 1998) về việc thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội do Ban chấp hành trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam ban hành, thực hành tang ma, cưới hỏi ở đại đa số các cộng đồng trên cả nước đã có nhiều thay đổi, theo hướng “lành mạnh, tiết kiệm, tránh xa hoa lãng phí, phiền nhiễu”, kết hợp với “xóa bỏ hủ tục, bài trừ mê tín dị đoan” như tinh thần của Chỉ thị. Khác với việc xây dựng thiết chế văn hóa mới vốn không đặt vấn đề loại bỏ thiết chế văn hóa truyền thống, cuộc vận động thực hiện nếp sống văn minh đã tích cực “dán nhãn” nhiều biểu đạt văn hóa truyền thống là lạc hậu và cần phải xóa bỏ. Bởi vậy, từ góc nhìn văn hóa, bên cạnh những tác động tích cực, nó cũng góp phần không nhỏ vào tình trạng mai một nhiều giá trị truyền thống thể hiện trong thực hành tang ma, cưới hỏi của các cộng đồng. Chẳng hạn, ở vùng dân tộc thiểu số Tày, Nùng, Thái các bài mo, bài then, tục hát đối đáp trong đám cưới... là các biểu đạt văn hóa có giá trị sâu sắc về mặt xã hội, tinh thần và nghệ thuật nhưng đã và đang bị cắt ngắn về nội dung, trình tự để đáp ứng quy chế nếp sống văn minh vốn là yêu cầu đám cưới, đám ma không kéo dài quá thời gian nhất định. Ở Lạng Sơn, có những người dân đã chia sẻ với chúng tôi rằng, việc chính quyền định hướng người dân bỏ “bữa phụ”, “bữa nháp” trong đám cưới đã làm cho họ mất đi một phương tiện quan trọng để bày tỏ tình cảm và sự sẵn sàng giúp đỡ gia đình có đám.

Trong một số trường hợp, cộng đồng một mặt nhận thức về lợi ích của thực hiện nếp sống mới, song cũng có mong muốn được duy trì phần nào đó các thực hành, các giá trị văn hóa đang bị đặt vào thế đối lập. Điều này dẫn đến một số ứng xử linh hoạt của họ giúp làm “mềm” hóa những điều lệ cứng nhắc do chính quyền hướng dẫn hoặc đã được quy định trong các quy ước nông thôn mới, như mấy ví dụ dưới đây.

Tại huyện Cao Lộc, các yêu cầu của chính quyền như rút ngắn thời gian tang lễ; hạn chế việc dùng nhà táng, dùng hình nhân thể mạng, các vật dụng tùy táng bằng hàng mã; hạn chế tổ chức các lễ 49 ngày, 100 ngày và mãn tang một cách rườm rà; hạn chế tục lăn đường, đi giạt lùi, xem ngày giờ đưa tang theo lời thầy cúng... đã được thực hiện phổ biến. Tuy nhiên, để đảm bảo thời gian tang lễ theo quy định mà vẫn thực hiện được đủ nghi lễ mong muốn, trong nhiều đám tang của người Tày, Nùng, người ta đã tăng số thầy tào, thầy mo để viết chữ cho nhanh, đọc bài cúng cho kịp. Có những bài mo được đọc suốt đêm, trong khi trước đây, theo quan niệm dân gian thì chúng không được đọc vào thời gian này.

Vì quy chế nếp sống văn minh cấm rải vàng mã dọc đường, trong khi với tâm thức của nhiều người, nhiều gia đình tang chủ thì nghi thức này là không thể bỏ qua (theo quan niệm dân gian thì vàng mã rải trên đường đưa tang là tiền cúng các vị thần đường để người chết dễ dàng đi qua), nhiều nơi đã có hiện tượng đoàn đưa tang vừa đi vừa đốt vàng mã như một cách “lách” quy định. Tại thôn

Quý Thuận, hương ước nông thôn mới được phê duyệt năm 2019 viết: “Không nên đốt, rải vàng mã, tiền âm phủ khi đưa tang để tránh ô nhiễm môi trường” (Ủy ban nhân dân xã Hải Phú, thôn Quý Thuận, 2019, tr.8), song không định nghĩa cụ thể thế nào là đường đưa tang nên theo phản ánh của trưởng thôn, người dân không rải vàng mã trên đường thôn nhưng lại rải trên đường nội đồng ra nghĩa địa hoặc đường cái ngoài thôn - những địa điểm không thuộc địa phận khu dân cư và do đó không nằm trong đoạn đường đưa tang nơi cấm rải vàng mã.

Trong việc tổ chức đám tang tại nhiều thôn thuộc xã Phú Trạch cũ, người dân đến nay vẫn còn thực hành diễn xướng hò đưa linh chèo cạn vào đêm trước khi đưa đám và lúc đưa quan tài về mộ. Bên cạnh đó, những người làm nghề thầy cúng vẫn còn hoạt động mạnh và có vai trò lớn trong các hoạt động tâm linh tại địa phương. Để tránh sự gợi nhớ về tính lạc hậu gắn với thầy cúng như các văn bản tuyên truyền về nếp sống văn minh hay đề cập, người dân đã chuyển sang gọi thầy cúng là “thầy địa”. Nhằm hợp thức hóa nghi lễ chọn ngày, giờ, chọn huyết và cúng bái của các thầy, gia đình tang chủ thống nhất trước với các thầy một bản kế hoạch thành văn rồi trình lên thôn, trong đó mọi chi tiết như đám tang, đoàn đưa tang có bao nhiêu người, làm lúc nào, làm bao lâu, đảm bảo các vấn đề vệ sinh môi trường như thế nào đều được ghi rõ. Như giải thích của ông trưởng họ Dương Đình, vì nó rất chặt chẽ và quy củ, nên “họ không cấm, không ai bắt, tức là chúng tôi không sai”. Bên cạnh đó, do việc thuê xe tang, thực hành hò đưa linh và mời thầy cúng đều khá tốn kém so với điều kiện kinh tế của các gia đình ở một vùng quê nghèo nên người dân có một giải pháp sáng tạo để cân đối kinh phí là chủ động tiết giảm việc cỗ bàn. Nhiều nhà đã chọn làm tại nhà văn hóa để không mất kinh phí dựng rạp. Không gian và trang thiết bị tại nhà văn hóa thôn Quý Thuận vốn có khả năng đáp ứng nhu cầu này. Như diễn giải của họ, đó là cách để họ vừa đảm bảo thực hành đầy đủ các nghi lễ truyền thống, vừa tận dụng triệt để công năng của nhà văn hóa như định hướng của Nhà nước.

#### 4. Kết luận

Chính sách văn hóa ở cơ sở khi gắn với chương trình phát triển nông thôn toàn diện (cụ thể là Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới) đã đặt ra nhiều tiêu chí có tính áp đặt có ý nghĩa như các điều kiện sống mới ảnh hưởng đến đời sống văn hóa của các cộng đồng dân cư nông thôn. Trong quá trình thực hiện các tiêu chí này, các cộng đồng không chỉ đơn giản là thực hiện, làm theo, mà thực tế đã thích ứng với chúng bằng những biểu hiện đa dạng. Một mặt, họ chấp nhận những điểm hợp lý của các tiêu chí, từ đó từng bước thay đổi nếp sống, thói quen cho phù hợp. Mặt khác, họ cũng nhận thấy việc thực hiện, làm theo một cách máy móc các tiêu chí là chưa cần thiết, đôi khi không phù hợp với mức sống, điều kiện sống mà họ đang có, dẫn đến việc điều chỉnh hay làm “mềm hóa” cách thực hiện các tiêu chí, thể hiện trên cả khía cạnh xây dựng cơ sở vật chất, tổ chức hoạt động văn hóa, xây dựng cảnh quan văn hóa và thực hiện nếp sống văn minh. Nhờ sự thích ứng linh hoạt, các hạn chế của chính sách mới được giải quyết, giảm thiểu sức ép với người dân cũng như mâu thuẫn về mặt văn hóa.

Thực trạng trên cho thấy hạn chế cố hữu của việc thực thi chính sách văn hóa ở cơ sở tại Việt Nam hiện nay dựa trên các lý tưởng và cách làm/ mô hình mang tính phổ quát của Nhà nước, cũng như cách mà các cộng đồng địa phương hiện thực hóa nó bằng thể ứng xử có thể gọi là sự thích ứng sáng tạo. Cư dân nông thôn là những chủ thể linh hoạt và sáng tạo, và bằng việc thừa nhận, tạo điều kiện cho sự linh hoạt và sáng tạo này, những cơ quan thực thi chính sách ở cấp độ địa phương mới làm cho chính sách trở nên có ý nghĩa trên thực tế. Sự thích ứng ở đây không nên bị nhìn nhận là sự từ chối hay chống chế đối với các tiêu chí của chính sách văn hóa. Thay vào đó, nó nên được nhận diện là cầu nối hiệu quả giữa mục tiêu, mục đích với kết quả, là cách để người dân có thể duy trì sự tham gia, hưởng ứng với môi trường chính sách luôn thay đổi và có tác động sâu sắc tới cuộc sống của họ.

Từ cơ sở trên, chúng tôi xin nêu lên hai khuyến nghị: *Thứ nhất*, chính sách văn hóa nói riêng và CTNTM nói chung nên chú trọng hơn nữa vấn đề trao quyền cho cộng đồng, đồng thời hạn chế việc áp đặt các quy chuẩn cứng nhắc mang tính “đồng bộ hóa”. Bởi khi triển khai trên thực tế, các quy chuẩn này vẫn có nhiều khả năng bị vượt qua hoặc vô hiệu, và do đó ít có ý nghĩa thực sự. *Thứ hai*, các nhà hoạch định và thực thi chính sách cần phải hiểu “văn hóa” theo nghĩa mở (tức không chỉ là những gì mà họ xác định là tốt đẹp, tiến bộ để yêu cầu mọi người dân làm theo). Đời sống văn hóa mới trên thực tế là tập hợp của những biểu đạt văn hóa đa dạng mà chủ thể (tức người dân hay các cộng đồng) đã tự xây dựng và duy trì nhằm phục vụ nhu cầu thiết thực của họ. Các yếu tố văn hóa tiến bộ có thể là một phần quan trọng, song không phản ánh tất cả thực tiễn phức tạp này. Nói cách khác, chính sách văn hóa cần tôn trọng, và ở mức độ cao hơn, cần tạo điều kiện cho những biểu đạt văn hóa đa dạng được hình thành nhờ sự linh hoạt và sáng tạo của người dân.

### **Tài liệu tham khảo**

1. Nguyễn Thị Phương Châm (2021), “Văn hóa trong xây dựng nông thôn mới: đa dạng hay đồng dạng?”, Tạp chí *Nghiên cứu văn hóa Việt Nam*, số 6.
2. Trương Tấn Minh (2012), “Vai trò của nhà văn hóa thôn, bản, khu phố ở tỉnh Quảng Bình trong sự nghiệp xây dựng nông thôn mới, thực trạng và giải pháp”, *Báo cáo tổng hợp*, Đề tài Khoa học và Công nghệ cấp tỉnh, Mã số ĐTNVH- QB 2011-2012, Quảng Bình.
3. Sở Văn hóa và Thể thao tỉnh Quảng Bình (2021), *Tổng kết 20 năm triển khai thực hiện phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” tỉnh Quảng Bình, giai đoạn 2000 - 2020*, Quảng Bình.
4. Nguyễn Thanh Tùng (2021), “Ý thức về quyền đối với cơ sở vật chất văn hóa: sự ảnh hưởng tới hoạt động văn hóa cơ sở”, Tạp chí *Nghiên cứu văn hóa Việt Nam*, số 6.
5. Ủy ban nhân dân xã Hải Phú - thôn Quý Thuận (2019), *Hương ước thôn Quý Thuận*, Tài liệu đánh máy.
6. Cohen, L.M. (2012), “Adaptation and Creativity in Cultural Context”, *Revista de Psicología*, 30.1: 3-18.
7. Keyes, C.F. (1995), *The Golden Peninsula: Culture and Adaptation in Mainland Southeast Asia*, New York: Macmillan.
8. Leach, E. (1954), *Political Systems of Highland Burma*, London: Bell.
9. Runco, M.A. (1999), “Tension, Adaptability and Creativity”, in S. W. Russ (Ed.), *Affect, Creative Experience, and Psychological Adjustment*, Philadelphia, PA: Taylor & Francis.
10. de Certeau, M. (1993), *La Culture au Pluriel*, Paris: Le Seuil.
11. Chetaru, V. (2006), *Evolutions of the Cultural Policy*, [http://culturaldiplomacy.org/academy/content/articles/events/2011loam/participant-papers/Evolutions\\_of\\_the\\_Cultural\\_Policy\\_Romania\\_from\\_1989\\_-\\_2006.pdf](http://culturaldiplomacy.org/academy/content/articles/events/2011loam/participant-papers/Evolutions_of_the_Cultural_Policy_Romania_from_1989_-_2006.pdf), truy cập ngày 2/2/2022.

## **THÔNG BÁO**

### **về việc triển khai chỉ số DOI của Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam**

Từ số 9 (177) năm 2022, mỗi bài viết trên Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam (ISSN: 1605-2811) sẽ có một chỉ số DOI duy nhất do Crossref cung cấp.

Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam thông báo tới các cộng tác viên và các cơ quan, đơn vị có liên quan được biết.

Trân trọng./.